ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀ HẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 91 /BC-UBND	*Hà Hải, ngày 08 tháng 11 năm 2021*

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả Cải cách hành chính năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Hà Trung.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Tình hình tổ chức, thực hiện.

Quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản của Trung ương về công tác CCHC, UBND xã đã phổ biến, triển khai kịp thời sâu rộng trong cán bộ, công chức và nhân dân các văn bản có liên quan về công tác CCHC.

UBND xã đã xây dựng và ban hành 23 văn bản:

- Kế hoạch số: 49/KH-UBND ngày 31/12/2020 về Công tác Cải cách hành chính năm 2021.
- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 15/01/2021 về kiểm soát Thủ tục hành chính năm 2021.
- Công văn số 09/UBND-VP ngày 15/01/2021 về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của Cán bộ, công chức.
- Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 10/01/2021 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công của cơ quan UBND xã Hà Hải.
- Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về việc ban hành Quy chế văn hóa công vụ cơ quan xã Hà Hải.
- Thông báo số: 13/TB-UBND ngày 30/3/2021 về danh mục TTHC dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thực hiện tại UBND xã Hà Hải.
- Công văn số 74/UBND-VP ngày 30/3/2021 về việc thực hiện 01 cửa điện tử; thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đảm bảo chỉ tiêu được giao.
- Công văn số 87/UBND-VP ngày 12/4/2021 về việc rà soát cắt giảm thời gian giải quyết TTHC.
- Thông báo số 23/TB-UBND ngày 14/6/2021 về việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Hà Hải.
- Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/6/2021 về nâng cao chỉ số cải cách hành chính xã Hà Hải giai đoạn 2021-2025.

- Công văn số 169/UBND-VP ngày 02/7/2021 về việc thực hiện các TTHC mới, TTHC được sửa đổi, bổ sung; gỡ bỏ các TTHC bị bãi bỏ lĩnh vực BTXH theo Quyết định 2253/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 06/7/2021 về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn xã.

- Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 10/8/2021 về đẩy mạnh công tác tuyên truyền, mở rộng triển khai tiếp nhận, xử lý và phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã Hà Hải.

- Công văn số 222/UBND-VHXH ngày 11/8/2021 về việc xây dựng bản tin tuyên truyền với chuyên mục "Hướng dẫn cá nhân, tổ chức sử dụng phần mềm tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống kênh Phản hồi Thanh Hóa".

- Quyết định 282/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 về Quy chế làm việc của UBND xã Hà Hải nhiệm kỳ 2021-2026.

- Công văn số 240/UBND-VP ngày 25/8/2021 về niêm yết, gỡ bỏ , thay thế TTHC; danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 tính đến ngày 24/8/2021.

- Thông báo số 37/TB-UBND ngày 25/8/2021 về danh mục Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 thực hiện tại UBND xã Hà Hải tính đến 8/2021.

- Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 31/8/2021 về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021.

- Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021.

- Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 về việc phân công công tác của Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND Và các Ủy viên UBND xã Hà Hải nhiệm kỳ 2021-2026.

- Thông báo số 48/TB-UBND ngày 07/10/2021 về việc phân công nhiệm vụ Công chức UBND xã Hà Hải.

- Công văn số 327/UBND-VP ngày 03/11/2021 về việc hướng dẫn một số nhiệm vụ về kiểm soát TTHC.

- Công văn số 328/UBND-VP ngày 03/11/2021 về việc chấn chỉnh việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch cải cách TTHC đến từng cán bộ đảng viên từ đó nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức về vai trò và ý nghĩa quan trọng của công tác cải cách TTHC. Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch tại UBND xã và trên cổng thông tin điện tử của UBND xã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đến giao dịch, việc thực hiện các TTHC được thực hiện tại bộ phận "một cửa" đảm bảo đúng quy định theo phương châm " 4 tăng, 2 giảm, 3 không", các TTHC được giải quyết nhanh gọn đúng quy định đảm bảo sự hài lòng của nhân dân. UBND xã đã chỉ đạo cho các

bộ phận chuyên môn triển khai thực hiện, bám sát nội dung để hoàn thành tốt công tác Cải cách hành chính năm 2021. Xác định, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo kế hoạch CCHC năm 2021. UBND xã giao cho công chức Văn phòng – Thống kê phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch, công chức Địa chính – Xây dựng và các công chức có liên quan tham mưu cho UBND xã trong việc giải quyết TTHC theo đúng trình tự, thủ tục.

2. Công tác tự kiểm tra CCHC.

Công tác tự kiểm tra thực hiện CCHC được UBND xã chú trọng. UBND xã giao cho công chức Văn phòng – Thống kê theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của các bộ phận chuyên môn để kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế từ đó chấn chỉnh, có giải pháp thực hiện tốt nhiệm vụ.

Trong năm 2021, UBND xã đã thực hiện 01 cuộc kiểm tra công tác Cải cách hành chính. Ban hành Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 31/8/2021 về kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021; Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2021.

Ngoài ra còn thường xuyên có những kiểm tra đột xuất trực tiếp về thực hiện công tác Cải cách hành chính tại các bộ phận.

3. Công tác tuyên truyền Cải cách hành chính.

UBND xã xem CCHC là nhiệm vụ chính trị quan trọng do đó tập trung chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền đến cán bộ, công chức thông qua các cuộc họp, hội nghị của UBND xã, đài truyền thanh xã, trang thông tin điện tử xã Hà Hải.

Sự phối kết hợp nhịp nhàng giữa Công chức VH-XH, Công chức VP-TK và các công chức chuyên môn khác về việc đăng tải các văn bản, soạn thảo các tin bài về công tác Cải cách hành chính.

Đường link tuyên truyền về công tác Cải cách hành chính: http://hahai.hatrung.thanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/cai-cach-hanh-chinh.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

Xác định việc ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL) là nhiệm vụ quan trọng và chủ yếu. Việc ban hành các văn hành chính, văn bản quy phạm pháp luật được UBND xã đặc biệt quan tâm, nhất là về thể thức nội dung văn bản, căn cứ pháp lý, thẩm quyền ký văn bản. Do đó, các văn bản được UBND xã ban hành đảm bảo về mặt nội dung, thể thức, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số: 11/KH-UBND ngày 27/01/2021 về kế hoạch Tư pháp năm 2021; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 17/02/2021 về kế hoạch theo dõi tình hành pháp luật trên địa bàn huyện xã năm 2021; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 26/02/2021 về tự kiểm tra, rà soát văn bản năm 2021.

UBND xã giao cho Công chức Tư pháp - Hộ tịch rà soát định kỳ các văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát.

Công chức Tư pháp - Hộ tịch chủ động tham mưu cập nhập kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, các văn bản hết hiệu lực để kịp thời bổ sung, nắm bắt những chính sách, quy định mới, bãi bỏ những văn bản pháp luật đã hết hiệu lực thi hành.

Đối với các văn bản hành chính kiểm tra phát hiện kịp thời sai sót để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo đúng thể thức, thẩm quyền ký, nhất là thể thức văn bản.

2. Cải cách Thủ tục hành chính

a. Về công khai thủ tục hành chính

UBND xã đã chỉ đạo Công chức VP-TK (tổ đầu mối KSTTHC) và các công chức có liên quan thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính đã công bố và ban hành mới, nhằm kịp thời đáp ứng, phục vụ tốt công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã.

- UBND xã Hà Hải đã cập nhật các TTHC mới và thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính tại bộ phận TN&TKQ của xã đạt tỷ lệ 100%.

Số thủ tục hành chính được niêm yết công khai và thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cấp xã: Thời điểm ngày 05/11/2020 (đầu kỳ báo cáo) niêm yết 202 TTHC, kỳ báo cáo niêm yết 40 TTHC, gỡ bỏ 18 TTHC; gỡ bỏ, thay thế 11 TTHC; đến ngày 05/11/2021 (cuối kỳ báo cáo): 224 Thủ tục hành chính, 39 lĩnh vực.

- Các hình thức công khai:

+ Niêm yết công khai các TTHC tại trụ sở cơ quan, UBND xã trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính đã thực hiện theo đúng quy định về thời gian, hình thức và nội dung công bố tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân.

+ Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng: Đài phát thanh xã và các cụm loa phát thanh của xã.

+ Công khai trên trang thông tin điện tử của xã: hahai.hatrung.thanhhoa.gv.vn (đường link niêm yết TTHC: http://hahai.hatrung.thanhhoa.gov.vn/web/thu-tuc-hanh-chinh.htm?captthc=4)

+ Công bố, công khai minh bạch bằng nhiều hình thức về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết để hoàn thiện mẫu thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân dễ hiểu và dễ thực hiện.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định " bốn tăng, hai giảm, ba không", và phương châm "04 xin, 04 luôn" trong giao dịch hành chính với cá nhân, tổ chức.

b. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Thực hiện tốt cơ chế một cửa, 01 cửa liên thông ở Bộ phận TN&TKQ theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định 2888/QĐ-UBND ngày 04/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh. Đa số TTHC đã được thực hiện theo cơ chế 01 cửa; số TTHC thực hiện liên thông chủ yếu ở các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai; BTXH, NCC, Chính sách, Hộ tịch, Kinh tế Hợp tác và phát triển Nông thôn, Trẻ em.

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa: 141 thủ tục hành chính.

- Số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông: 64 thủ tục hành chính.

- Số thủ tục hành chính xã không thực hiện: 19 TTHC.

c. Về tiếp nhận và trả kết quả TTHC

- Tổng số TTHC đã tiếp nhận và giải quyết trong kỳ, trong đó đã tiếp nhận và giải quyết 1.067 TTHC. Trong đó:

+ Số TTHC trả trước và đúng hạn: 1.067 Thủ tục

+ Số TTHC đang trong thời hạn giải quyết: 0 Thủ tục

+ Số TTHC quá hạn: 0 Thủ tục.

+ Số TTHC đang giải quyết: 0 Thủ tục

+ Số hồ sơ trả lại: 0.

- Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Thực hiện tốt Quyết định số 876/2017/QĐ-UBND ngày 27/03/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính; công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính. Đến ngày 20/7/2021 thực hiện công khai kết quả và công khai xin lỗi được thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của Uỷ ban nhân dân

Số lượng cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định là 20 người trong đó 10 cán bộ, 10 công chức; nam 13 người, nữ 7 người.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng theo quy định: trình độ đại học là 16 người, trình độ cao đẳng: 01, trung cấp là 03 người.

3.2. Về thực hiện phân cấp quản lý

Trên cơ sở những nội dung quản lý nhà nước được Chính phủ quyết định phân cấp cho chính quyền địa phương trên từng ngành, lĩnh vực. Tiếp tục làm rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng ban, ngành, cán bộ, công chức loại bỏ dần sự chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ. Thể chế quan hệ giữa nhà nước với nhân dân tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện.

Nổi bật là việc lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng.

Tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước. Xử lý các hành vi trái pháp luật của cơ quan và cán bộ, công chức trong khi thi hành công vụ. Tăng thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành chính trong giải quyết khiếu nại của nhân dân. Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ chế "một cửa", công khai ngân sách, tài chính, đấu thầu, thanh tra nhân dân.

4. Cải cách công vụ.

Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, đương chức và đội ngũ cán bộ kế cận được quan tâm thực hiện. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt theo kế hoạch, cử cán bộ đi học Trung cấp chính trị, học chuyên môn để đạt chuẩn và nâng cao trình độ. Cử CBCC tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng do Huyện, Tỉnh triển khai. Việc chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở cơ sở đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn hiện nay. Tổng số cán bộ công chức xã 20 người trong đó cán bộ 10, công chức 10; cán bộ công chức có trình độ đại học đạt chuẩn: 16 đ/c đạt 80 %; cao đẳng: 01 đ/c đạt 5%; Trung cấp 03 đ/c đạt 15%; trình độ trung cấp lý luận chính trị 18/20 đạt 90%; trình độ chuyên viên QLNN 14 đ/c đạt 70%; 100% cán bộ công chức được đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ chuyên môn thường xuyên; 01 đ/c cán bộ đang học đại học sẽ nhận bằng trong năm 2021.

Tăng cường kiểm tra, theo dõi việc chấp hành pháp luật về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 12/01/2021 của UBND huyện Hà Trung về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; công văn số 09/UBND-VP ngày 15/01/2021 về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của Cán bộ, công chức.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 10/01/2021 về Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công của cơ quan UBND xã Hà Hải; thực hiện đúng những nội dung trong quy chế ban hành.

Hiện tại công sở UBND xã có 27 phòng làm việc, 01 dãy nhà công vụ đa năng, 01 Hội trường công sở, đảm bảo đủ phòng làm việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách;

Về phương tiện làm việc: Cơ quan hiện có 20 máy in và 20 máy vi tính được kết nối mạng Internet; 02 máy scan; 01 tủ sách pháp luật về cơ bản đáp

ứng việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Chế độ quản lý và sử dụng được đảm bảo theo quy chế của UBND xã.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử

- Triển khai thực hiện gửi nhận văn bản qua đường mạng, phần mềm một cửa điện tử, ký số văn bản.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan được thực hiện, 100% tỷ lệ văn bản được giao dịch trên phần mềm điện tử hệ thống đăng nhập 01 lần, tổng số máy móc, thiết bị gồm: máy tính 20 bộ, 20 máy in, 02 máy scan, 32 tủ đựng tài liệu; 100% máy tính được kết nối internet. Thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật để sử dụng các phần mềm quản lý có liên quan đến các bộ phận công tác, tiếp dân, giải quyết TTHC như: Văn phòng, Tư pháp, Địa chính, Văn hóa – Xã hội, Tài chính - Kế toán, Công an.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến

Bộ phận một cửa đã hướng dẫn cho người dân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Kết quả năm 2021 có 285 hồ sơ qua mạng, trong đó hồ sơ mức độ 3 là 83 đạt 99,22%, hồ sơ mức độ 4 là 202 đạt 88,6%.

- Triển khai áp dụng ISO tại cơ quan

Tiếp tục duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan UBND xã.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Công chức phụ trách tổ đầu mối Kiểm soát TTHC còn phải kiêm nhiệm nhiều việc nên công tác tham mưu đôi lúc bị chồng chéo; chưa có kinh phí hỗ trợ cho bộ phận làm nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả.
- Nhận thức của một bộ phận nhỏ nhân dân đối với các quy định TTHC còn hạn chế.
- Việc tuyên truyền về cải cách TTHC có lúc chưa thực sự hiệu quả.
- Việc cập nhật các TTHC đã hết hiệu lực và mới công bố gặp khó khăn.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Các thủ tục hành chính hết hiệu lực và công bố mới rất khó theo dõi trên cổng Dịch vụ công. Đề nghị TTHC hết hiệu lực và công bố mới có thông báo để Bộ phận TN&TKQ được cập nhật kịp thời.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022.

1.Về Cải cách thể chế

Tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND xã đã ban hành; tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Về Cải cách thủ tục hành chính

Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ cho tổ chức, công dân đúng quy định theo Nghị định số 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Duy trì hoạt động tốt của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả các TTHC cho công

dân đảm bảo đúng theo quy định không gây khó khăn, phiền hà đảm bảo sự hài lòng của công dân khi đến giao dịch.

Thực hiện công khai kết quả và công khai xin lỗi được thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ. Đối với nội dung này, báo cáo tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn, trước hạn và quá hạn; tổng số lượng văn bản đã thực hiện xin lỗi trong mỗi kỳ báo cáo.

Thực hiện nghiêm túc việc niêm yết TTHC, địa chỉ, số máy điện thoại chuyên dùng, hòm thư điện tử về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại trụ sở UBND xã.

Thường xuyên rà soát, cập nhật các TTHC hết hiệu lực để gỡ bỏ, các TTHC mới đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố để niêm yết công khai và đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã. Tiếp tục rà soát, thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trên tất cả lĩnh vực quản lý nhà nước.

Tiếp tục nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của cán bộ công chức, tuyên truyền rộng rãi về công tác cải cách TTHC đến cán bộ, công chức, các ngành xem đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

3. Về Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

Tiếp tục xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức các bộ phận chuyên môn. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc chỉ đạo thực hiện công tác cải cách tổ chức bộ máy.

Rà soát lại cơ cấu tổ chức bộ máy, tổ chức biên chế của các cơ quan chuyên môn. Đồng thời, từng bước tổ chức sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, hợp lý theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực.

4. Về Cải cách công vụ.

Tiếp tục thực hiện gắn kết công tác đào tạo với công tác chuyên môn, đảm bảo ứng dụng tốt kiến thức, kỹ năng trong thực thi công vụ sau đào tạo.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và theo vị trí việc làm, đảm bảo tính hiệu quả và kỹ năng trong giải quyết công việc chuyên môn; Nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức kỷ luật của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, xem đây là một trong những tiêu chí đánh giá công chức hằng năm;

5. Về Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt, có hiệu quả cơ chế tài chính theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công;

6. Về xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử.

Nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT vào hoạt động của UBND xã, Công khai danh mục các dịch vụ hành chính công trên trang thông tin điện tử của xã, triển khai đồng bộ, liên thông hệ thống điện tử thông minh, một cửa điện tử, hệ

thống thư điện tử, hệ thống gửi nhận văn bản điện tử. Thực hiện ứng dụng chữ ký số trong giao dịch bằng văn bản điện tử.

Tuyên truyền cho nhân dân và nâng cao dịch vụ công mức độ 3,4. Phấn đấu vượt chỉ tiêu huyện giao.

Tiếp tục duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan UBND xã.

Trên đây là báo cáo Cải cách hành chính năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr Đảng ủy, TTr HĐND (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND;
- Bộ phận TN&TKQ;
- Lưu: VT, VP-TK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Văn Đông

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 91 /BC-UBND ngày 08 /11/ 2021 của UBND xã Hà Hải)

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 CỦA UBND XÃ HÀ HẢI

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1.	Kế hoạch CCHC		01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	31	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	23	
1.2.	Tự kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số vấn đề phát hiện qua tự kiểm tra	Vấn đề	0	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	33	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	33	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.031	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
2.	**Cải cách thể chế**			
2.1.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản		
2.2.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VB có chứa quy phạm pháp luật có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	**Cải cách thủ tục hành chính**			
3.1.	Thống kê TTHC		224	
3.1.1.	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	205	
Trong đó	*Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã*	Thủ tục	141	
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền		64	
3.1.2.	*Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ*	%	51,8	
3.1.3.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.2.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tổng Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ	1.067	
Trong đó	*Tiếp nhận trực tiếp*		782	
	Tiếp nhận qua BCCI			
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	83	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	202	
3.2.1.	Số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ	1.067	
Trong đó	*Trả trực tiếp*	Số lượng hồ sơ	782	
	Trả qua BCCI	Số lượng hồ sơ		
	Giải quyết trực tuyến mức độ 3	Số lượng hồ sơ	83	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	202	
3.2.2.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ		
3.2.3.	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn	Số lượng hồ sơ		
3.3.	Công khai kết quả giải quyết			
3.3.1.	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết	1.067	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2.	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	1.067	
3.3.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục		
3.4.	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		0	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
4.1.	Số liệu về biên chế công chức			
4.1.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	19	
4.1.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
4.1.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	2	
4.1.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0%	
5.	**Cải cách chế độ công vụ**			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.1.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.1.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện	Người	0	
5.1.4.	Số lãnh đạo UBND được bầu/bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền).*		0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.2.2.	Số lượng công chức bị kỷ luật	Người	0	
6.	**Cải cách tài chính công**			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	01	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị		
7.	**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử**			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.2.	UBND xã được cấp chứng thư số.	Được cấp = 1 Chưa cấp = 0	1	
7.3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản	1.212	
7.3.1.	Tổng số VĂN BẢN ĐI	Văn bản	1.212	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	*Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	99,6%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	0,4%	
7.4.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử			
7.4.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh	%	100%	
7.5.	Dịch vụ công trực tuyến		42	
7.5.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	8	
7.5.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	34	
7.6.	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO		1	
7.6.2	Số lượng đơn vị cấp xã đã áp dụng	Đơn vị	1	
7.6.3	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	